

LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TRONG SẢN XUẤT LUÔNG Ở CÁC XÃ KHU VỰC MIỀN NÚI, TỈNH THANH HÓA: TRƯỜNG HỢP XÃ ĐỒNG LƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

Lê Văn Cường¹, Phạm Thị Ngọc², Vũ Thế Vinh³

Tóm tắt: Thanh Hóa có hơn 78.000 ha rừng tre luồng, trong đó xã Đồng Lương có diện tích trồng luồng lớn chiếm trên 15,57% tổng diện tích tre luồng của tỉnh. Vì vậy, bài viết lấy xã Đồng Lương làm trường hợp nghiên cứu đại diện cho các xã khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa để phân tích, đặc biệt là thông qua phiếu khảo sát để đánh giá thực trạng chuỗi liên kết sản xuất luồng. Kết quả nghiên cứu cho thấy liên kết chuỗi giá trị luồng tại xã Đồng Lương bước đầu hình thành (có đầy đủ các tác nhân từ sản xuất, thu mua, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm) nhưng còn hạn chế về tính liên kết, mức độ phối hợp và phân phối giá trị gia tăng. Điều này đòi hỏi sự hỗ trợ chính sách, tăng cường vai trò hợp tác xã (HTX) và doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả, đảm bảo sinh kế cho người trồng luồng và phát triển chuỗi giá trị bền vững.

Từ khóa: Liên kết chuỗi giá trị; Phát triển bền vững; Sản xuất luồng; Thanh Hóa; Xã Đồng Lương.

VALUE CHAIN LINKAGES IN BAMBOO PRODUCTION IN MOUNTAINOUS COMMUNES OF THANH HOA PROVINCE: A CASE STUDY OF DONG LUONG COMMUNE, THANH HOA PROVINCE

Abstract: Thanh Hoa Province has more than 78,000 hectares of bamboo forests, of which Dong Luong commune accounts for over 15.57% of the province's total bamboo - growing area. Therefore, the paper selects Dong Luong as a representative case study for mountainous communes in Thanh Hoa province, with a particular focus on utilizing survey questionnaires to assess the current status of the local bamboo value chain. The findings indicate that the bamboo value chain in Dong Luong has begun to take shape - encompassing all key actors from production, collection, and processing to product distribution - yet remains limited in terms of the strength of linkages, the level of coordination, and the distribution of value added. These limitations highlight the need for supportive policies and a strengthened role for cooperatives and enterprises to enhance efficiency, ensure the livelihoods of bamboo growers, and promote a sustainable value chain.

Keywords: Value chain linkages; Sustainable development; Bamboo production; Thanh Hoa; Dong Luong Commune.

Nộp bản thảo: 22/4/2025

Chấp nhận đăng: 28/8/2025

¹ TS., Đại học Hồng Đức, email liên hệ: levancuong@hdu.edu.vn

² TS., Trường Đại học Hồng Đức.

³ ThS., UBND xã Yên Thắng, tỉnh Thanh Hóa.

1. Giới thiệu

Thanh Hóa có hơn 78.000ha rừng tre luồng, bình quân mỗi năm cung cấp 60 triệu cây (tương đương 1,6 triệu tấn nguyên liệu và 80.000 tấn nguyên liệu khác như mùn cưa,...), phục vụ chế biến và xuất khẩu. Mặt hàng này có giá trị sản xuất hàng năm đạt gần 553 tỷ đồng, chiếm 28,2% giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp, với giá trị xuất khẩu bình quân 2,17 triệu USD và giải quyết việc làm cho 102.000 lao động, chiếm 40,8% lao động trong ngành lâm nghiệp (Lê Hợi, 2023). Vùng trồng luồng thâm canh tập trung chủ yếu tại các huyện Lang Chánh, Quan Hóa, Ngọc Lặc, Quan Sơn, Thường Xuân, Bá Thước, Cẩm Thủy (theo địa giới hành chính cũ). Xã Đồng Lương, tỉnh Thanh Hóa là sự hợp nhất giữa xã Tân Phúc và xã Đồng Lương của huyện Lang Chánh cũ theo Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 01/7/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, có diện tích tự nhiên khoảng 85km² và dân số ước tính khoảng 4.500 người. Sự mở rộng này tạo điều kiện thuận lợi cho việc quy hoạch các dự án phát triển kinh tế, hạ tầng và dịch vụ công, đồng thời giúp chính quyền địa phương quản lý hiệu quả hơn. Đặc biệt xã có sự phát triển về kinh tế lâm nghiệp, trong đó trọng tâm là sự phát triển về luồng, loài cây được xác định là cây xóa đói giảm nghèo, sinh kế chính, tạo công ăn việc làm, nguồn thu nhập ổn định cho người dân khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số phía Tây Thanh Hóa; đồng thời góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng nông nghiệp, nông thôn mới của địa phương; ngoài ra còn có giá trị phòng hộ đầu nguồn, chống xói mòn và lưu giữ khí cac-bon (khí nhà kính) bảo vệ môi trường (UBND huyện Lang Chánh, 2024).

Xã Đồng Lương là vùng có diện tích trồng luồng lớn với 12.145,93ha chiếm trên 15,57% tổng diện tích tre luồng của tỉnh Thanh Hóa (BCH Đảng Bộ xã Đồng Lương, 2025), từ lâu đã hình thành các hoạt động sản xuất, khai thác và chế biến luồng phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu, đã góp phần đáng kể vào thu nhập của người dân và cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến lâm sản. Tuy nhiên, chuỗi liên kết luồng tại địa phương vẫn còn hạn chế như các cơ sở tiêu thụ, chế biến luồng còn nhỏ lẻ, hình thức liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất chưa phát triển, các nhà máy chế biến chưa gắn kết với vùng nguyên liệu, chưa có nhiều sản phẩm chế biến sâu, giá trị hàng hóa sau chế biến chưa cao. Vì vậy, trong nghiên cứu này, chúng tôi chọn xã Đồng Lương là một trong các xã có diện tích trồng luồng lớn nhất của tỉnh Thanh Hóa làm vùng đại diện cho các xã trồng luồng ở khu vực miền núi của tỉnh để nghiên cứu tìm kiếm các giải pháp nhằm phát triển chuỗi liên kết luồng bền vững, làm cơ sở nhân rộng trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế cho người dân và doanh nghiệp tham gia chuỗi, mà còn đảm bảo tính bền vững về môi trường và xã hội, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế lâm nghiệp xanh và tuần hoàn của tỉnh Thanh Hóa nói riêng và cả nước nói chung. Phát triển sản xuất luồng tại xã theo chuỗi liên kết là cách giúp nâng cao hiệu quả kinh tế, gắn kết các bên liên quan, ổn định đầu ra, giảm rủi ro, đồng thời hướng tới phát triển bền vững.

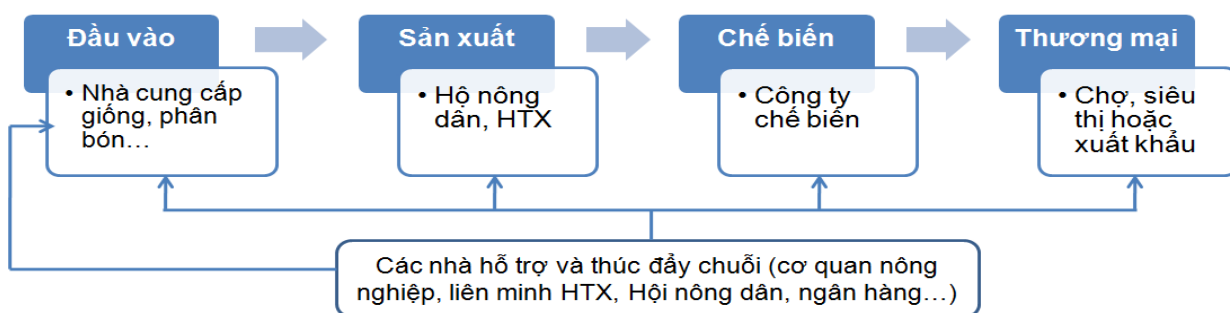
2. Cơ sở lý thuyết

Hình thức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị đang là xu thế, hướng phát triển bền vững, hiệu quả trong sản xuất. Đây là tiền đề bảo đảm cho các chủ thể tham gia trong chuỗi giá trị chia sẻ quyền lợi, trách nhiệm và đầu tư có hiệu quả cao. Theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: Liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp là hình thức liên

kết trong sản xuất nông nghiệp theo chuỗi từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, sản xuất, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (Chính phủ, 2018).

Liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp là hình thức liên kết các giai đoạn khác nhau của quy trình sản xuất nông sản từ khâu sản xuất, thu hoạch, chế biến, đóng gói, vận chuyển và tiêu thụ. Mục tiêu của liên kết chuỗi giá trị là tối ưu hóa giá trị gia tăng trong từng bước của quá trình, giúp nâng cao hiệu suất và lợi nhuận cho các nhà sản xuất nông sản và các đối tác tham gia khác trong chuỗi giá trị. Điều này có thể tạo ra lợi ích cho tất cả các bên liên quan và cải thiện hiệu suất tổng thể của ngành nông nghiệp. Hiện nay, có một số hình thức chuỗi liên kết phổ biến như: liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp (liên kết tiêu thụ/thu mua sản phẩm qua hợp đồng, liên kết có hỗ trợ đầu tư/hỗ trợ các yếu tố đầu vào,...); liên kết giữa nông dân với HTX và doanh nghiệp (tạo thành một chuỗi giá trị, trong đó nông dân cung cấp tư liệu sản xuất và lao động, HTX kết nối hộ nông dân nhỏ lẻ thành vùng sản xuất tập trung, còn doanh nghiệp đầu tư vốn/hỗ trợ vật tư đầu vào, hỗ trợ khoa học công nghệ và thị trường tiêu thụ sản phẩm); liên kết giữa các hộ nông dân (tổ hợp tác, nhóm sở thích,.. để mua chung các yếu tố đầu vào, chia sẻ kỹ thuật, bán chung sản phẩm,... nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng sản phẩm và gia tăng lợi thế cạnh tranh).

HÌNH 1. SƠ ĐỒ VỀ CÁC CHỦ THỂ THAM GIA VÀO CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP



Nguồn: Nguyễn Trần Minh Trí, 2022.

3. Phương pháp nghiên cứu

Thông tin thứ cấp được thu thập từ các văn bản liên quan, từ báo cáo về sản xuất theo chuỗi giá trị luống ở xã Đồng Lương, các báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa I, tại Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Đồng Lương lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030.

Thông tin sơ cấp được thu thập qua khảo sát từ 1/7/2025 đến 5/9/2025 bằng phiếu hỏi gồm cả câu hỏi đóng và mở. Trong đó, bảng hỏi thực hiện đối với các đối tượng như trong Hình 1, nội dung hỏi bao gồm sản lượng luống bán ra đi theo các kênh phân phối và qua các tác nhân tham gia để đánh giá được tỷ lệ luống bán theo các kênh, ngoài ra nội dung bảng hỏi còn liên quan đến đánh giá hiệu quả phối hợp giữa các tác nhân tham gia chuỗi (mức độ đồng ý với các chỉ tiêu đưa ra Bảng 3). Khảo sát với số lượng phiếu điều tra gồm: 84 hộ trồng luống tại xã; 02 HTX tham gia thực hiện liên kết chuỗi sản xuất luống; 03 doanh nghiệp chế biến; 30 thương lái; 03 cơ sở chế biến thô; 20 cửa hàng vật liệu xây dựng, nhà buôn; 10 nhà phân phối có tham gia trong chuỗi liên kết sản xuất luống.

Phương pháp phân tích kinh tế chuỗi: Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích chi phí, lợi

nhuận và giá trị gia tăng của từng tác nhân để đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình liên kết (GTZ, 2007). Phân tích kinh tế chuỗi liên kết luồng là quá trình đánh giá hiệu quả kinh tế tại từng khâu của chuỗi, xác định khả năng tạo giá trị gia tăng, mức độ chia sẻ lợi ích giữa các tác nhân (nông dân, HTX, doanh nghiệp chế biến, thương lái, nhà phân phối...), từ đó chỉ ra những bất cập, điểm nghẽn, cơ hội cải thiện và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tổng thể của chuỗi.

Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để phân tích các chỉ tiêu gồm diện tích, năng suất, sản lượng, sản lượng tiêu thụ,... Dữ liệu được xử lý bằng Excel để tính toán giá trị trung bình, tần suất và tỷ lệ phần trăm.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng phát triển luồng trên địa bàn xã Đồng Lương

Trong giai đoạn 2023-2025, diện tích rừng trồng luồng có sự gia tăng đáng kể cả về quy mô và chất lượng. Cụ thể, năm 2023 tổng diện tích rừng đạt 1.373,07ha, đến năm 2024 tăng lên 1.510,38ha và đến năm 2025 đã mở rộng mạnh mẽ, đạt 3.793,07ha, gấp khoảng 2,5 lần so với năm 2024 (nguyên nhân một phần là so sáp nhập xã Tân Phúc vào Đồng Lương tạo nên diện tích luồng tăng đáng kể, diện tích luồng xã Tân Phúc là 2.282,69ha chiếm 59,6% tổng diện tích hiện tại) (UBND xã Đồng Lương, 2025).

Diện tích rừng luồng ở Đồng Lương có bước cải thiện rõ rệt; rừng sinh trưởng tốt, tăng đáng kể, trong khi diện tích rừng trung bình cũng mở rộng gần gấp đôi. Đáng chú ý, phần lớn diện tích rừng dù đã thoái hóa nhưng vẫn giữ khả năng phục hồi, chiếm tới 76 - 78% tổng diện tích. Toàn bộ giai đoạn không ghi nhận tình trạng rừng mất hẳn khả năng tái sinh. Những con số này cho thấy công tác quản lý và chăm sóc rừng luồng đang phát huy hiệu quả, vừa mở rộng quy mô vừa bảo đảm tính bền vững (UBND xã Đồng Lương, 2025).

BẢNG 1. DIỆN TÍCH RỪNG LUỒNG TẠI XÃ ĐỒNG LƯƠNG GIAI ĐOẠN 2023-2025

Năm	Tổng	Diện tích rừng trồng luồng hiện có (ha)			
		Chưa bị thoái hóa		Đã bị thoái hóa	
		Sinh trưởng tốt	Sinh trưởng trung bình	Có khả năng phục hồi	Không còn khả năng phục hồi, cải tạo mới
Năm 2023	1.373,07	20	320,07	1.053,00	0
Năm 2024	1.510,38	21	342,35	1.147,03	0
Năm 2025	3.793,07	59	785,8	2.948,27	0

Nguồn: UBND xã Đồng Lương.

Chú thích: Năm 2025 tính từ sau 1/7/2025,

Rừng luồng là nguồn tài nguyên có giá trị kinh tế, sinh thái và xã hội quan trọng đối với huyện Đồng Lương. Tuy nhiên, do tình trạng khai thác luồng không kiểm soát, canh tác theo phương thức truyền thống, đất rừng bị thoái hóa, giống luồng suy giảm chất lượng, dẫn đến năng suất, chất lượng luồng thấp, ảnh hưởng đến sinh kế của người dân. Trước thực trạng đó, từ năm 2016, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành các chính sách hỗ trợ phục tráng, cải tạo và phát triển rừng luồng, điển hình là Quyết định số 4025/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 về hỗ trợ phục tráng 20.000ha rừng luồng giai đoạn 2016-2025 (UBND tỉnh Thanh Hóa, 2016). Các chính sách đó đã

có tác động làm năng suất luồng từ 20-30% so với trước phục tráng, với nhiều hộ đạt 6.000-8.000 cây/ha/năm. Chất lượng thân luồng (thẳng, to đều, ít sâu bệnh) được cải thiện rõ rệt. Kết quả là nhiều hộ tăng thu nhập từ 30-50 triệu đồng/ha/năm nhờ bán luồng chất lượng cao; cải thiện độ che phủ rừng và bảo vệ đất qua đó góp phần tái tạo thảm thực vật, giảm xói mòn đất và duy trì cân bằng sinh thái. Tuy nhiên chất lượng cây luồng chưa thật đồng đều chủ yếu do tập quán canh tác truyền thống, thiếu ứng dụng khoa học kỹ thuật, tình trạng chặt non, chặt không đúng thời vụ vẫn còn phổ biến (UBND xã Đồng Lương, 2025). Điều này dẫn đến sản phẩm luồng không đồng nhất, ảnh hưởng đến khả năng chế biến và xuất khẩu.

BẢNG 2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHỤC TRÁNG RỪNG LUỒNG TẠI XÃ ĐỒNG LƯƠNG GIAI ĐOẠN 2023-2025

Năm	Thâm canh, phục tráng rừng luồng		
	Số hộ tham gia thực hiện	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Số lượng phân cấp (Organic Phục Thịnh 13) (kg)
Năm 2023	25	135.000	19.400
Năm 2024	31	175.000	22.400
Năm 2025	85	325.000	41.651

Nguồn: UBND xã Đồng Lương.

Bảng 2 cho thấy, giai đoạn 2023-2025, phong trào thâm canh và phục tráng rừng luồng ở Đồng Lương bùng nổ cả về quy mô số hộ dân tham gia lẫn đầu tư (cả kinh phí đầu tư và lượng phân bón). Những con số ấy cho thấy người dân trên địa bàn xã ngày càng quan tâm, đồng thuận với các biện pháp kỹ thuật được hướng dẫn, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng rừng luồng.

4.2. Hiện trạng liên kết sản xuất chuỗi giá trị luồng trên địa bàn xã Đồng Lương

Chuỗi liên kết luồng là một hệ thống gồm nhiều tác nhân tham gia từ khâu sản xuất, thu mua, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm. Tại xã Đồng Lương, chuỗi này đang hình thành nhưng còn nhiều hạn chế về tính liên kết, mức độ phối hợp và giá trị gia tăng mang lại cho các bên, cụ thể:

Kênh chính

Người trồng luồng -> Thương lái (75,7 % sản lượng luồng)/HTX (18,4% sản lượng luồng) -> Cửa hàng vật liệu, nhà buôn (10,1% sản lượng từ thương lái/HTX)/nhà máy chế biến sâu (89,9% sản lượng từ thương lái/HTX) -> Nhà phân phối/thị trường.

Người trồng luồng (hộ gia đình, nhóm hộ); Người dân là tác nhân đầu tiên trong chuỗi, chịu trách nhiệm trồng, chăm sóc và khai thác luồng. Họ cung cấp nguyên liệu đầu vào chủ yếu cho thị trường và các cơ sở chế biến. Tuy nhiên, phần lớn hộ sản xuất mang tính nhỏ lẻ, canh tác theo kinh nghiệm, chưa tuân thủ quy trình kỹ thuật, thiếu thông tin thị trường và bị động về đầu ra sản phẩm. Họ chủ động sản xuất, có truyền thống lâu đời với cây luồng song còn hạn chế là thiếu kỹ thuật, vốn, liên kết yếu, phụ thuộc vào thương lái.

HTX và thương lái: (1) HTX nông lâm nghiệp (HTX Tam Văn, HTX Đồng Lương...) đứng ra thu gom luồng cho các thành viên và bán cho doanh nghiệp chế biến hoặc xuất khẩu. Các HTX này có hợp đồng thu mua, đảm bảo giá sản và tiêu chuẩn sản phẩm, hỗ trợ người dân về kỹ thuật, có định hướng sản xuất gắn với nhu cầu thị trường (chiếm 18,4% tổng số sản lượng bán ra). Số lượng HTX còn ít, quy mô nhỏ, khó tiêu thụ khối lượng lớn. HTX là tác nhân trung gian, có vai trò

kết nối giữa nông dân và doanh nghiệp, hỗ trợ sản xuất, sơ chế, tiêu thụ sản phẩm. Một số HTX tiêu biểu như HTX Tam Văn, HTX Đồng Lương đã bước đầu thực hiện tốt vai trò thu gom, sơ chế, hợp đồng bao tiêu sản phẩm cho thành viên. HTX tạo sự gắn kết nông dân, có thể đàm phán với doanh nghiệp, tuy nhiên HTX còn thiếu năng lực tài chính và kỹ thuật. (2) Thương lái: Kênh thương lái truyền thống (chiếm tỷ trọng lớn nhất 75,7% tổng số sản lượng bán ra). Đây là kênh phổ biến nhất, với việc thương lái đến tận hộ dân, thu mua luồng tại rừng hoặc ven đường, sau đó bán lại cho các cơ sở chế biến trong và ngoài tỉnh. Giao dịch thường không có hợp đồng, giá cả phụ thuộc vào thương lái và thường có tình trạng ép giá hoặc thu mua theo mùa vụ. Đây là kênh nhanh chóng, thuận tiện cho người dân vì không cần vận chuyển xa, nhưng người dân không chủ động được giá bán, thiếu thông tin thị trường, lợi nhuận thấp.

Sản lượng từ HTX/Thương lái tiêu thụ sang cửa hàng vật liệu, nhà buôn (10,1% sản lượng)/nhà máy chế biến sâu (89,9% sản lượng).

Cửa hàng vật liệu, nhà buôn: Sản lượng 100% chủ yếu bán ở thị trường trong tỉnh Thanh Hóa hoặc 1 số tỉnh lân cận như Ninh Bình, Nghệ An, Sơn La (các mô hình nhà tre luồng phục vụ các khu du lịch...), và các thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh.

Nhà máy chế biến sâu: Các doanh nghiệp như Nhà máy Bamboo King Vina, Công ty TNHH MTV Ngọc Linh, một số cơ sở tư nhân thực hiện khâu chế biến, tạo ra sản phẩm trung gian hoặc thành phẩm. Họ có vai trò quyết định về nhu cầu nguyên liệu, tiêu chuẩn chất lượng và có thể dẫn dắt chuỗi. Các đơn vị này có công nghệ, khả năng tạo giá trị gia tăng nhưng chưa tạo được sự gắn kết với vùng nguyên liệu. Trong đó, phải kể đến như tình trạng thu mua, chế biến của nhà máy Bamboo King Vina quý 4/2024 mới chỉ đạt 869,81 tấn và quý 1/2025 đạt 1.379,65 tấn tương đương lần lượt là 11,15 tấn/ngày (chỉ đạt 2,23% công suất) và 17,69 tấn/ngày (chỉ đạt 3,53% công suất).

Kênh doanh nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu: Trong đó, các doanh nghiệp như Nhà máy Bamboo King Vina, Công ty TNHH MTV Ngọc Linh và Công ty TNHH Minh Lợi đảm nhận khâu chế biến, tạo sản phẩm trung gian hoặc thành phẩm, giữ vai trò quyết định về nhu cầu và tiêu chuẩn nguyên liệu. Tuy có công nghệ và khả năng tạo giá trị gia tăng, nhưng mức độ gắn kết với vùng nguyên liệu còn hạn chế.

Nhà phân phối - thị trường tiêu thụ: Bao gồm các thương lái, cửa hàng vật liệu, đại lý tiêu thụ sản phẩm chế biến, hoặc đơn vị xuất khẩu. Nhóm này quyết định giá đầu ra, song hiện vẫn hoạt động độc lập, ít liên kết chính thức với các tác nhân còn lại trong chuỗi. Tác nhân này nắm giữ thị trường, có thể kết nối với đầu ra lớn nhưng đôi khi hoạt động thiếu minh bạch, thường ép giá người dân. Sản lượng từ doanh nghiệp chế biến sang nhà phân phối chiếm 100%.

Thị trường xuất khẩu: Hiện nay xuất khẩu chủ yếu tới các thị trường như Úc và Trung Quốc

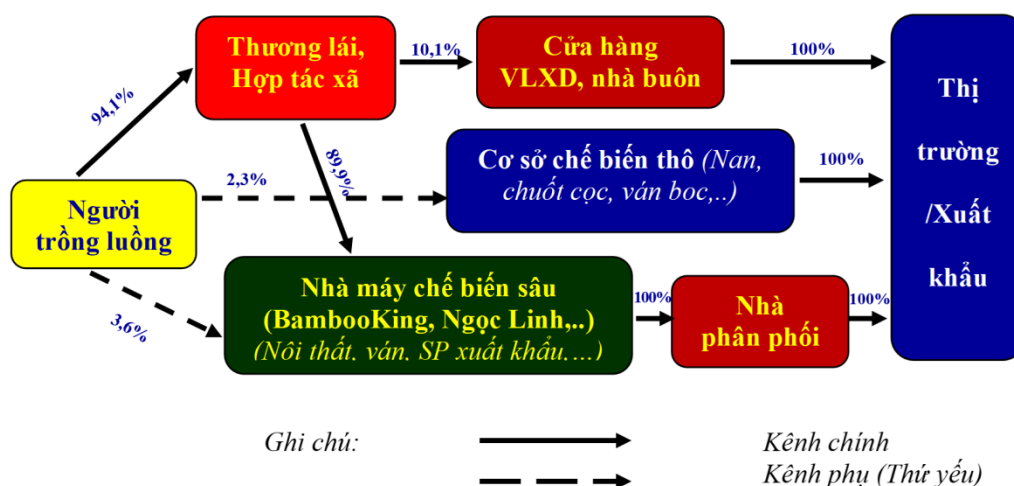
Các đường kết nối chủ yếu theo chiều dọc, nhưng còn lỏng lẻo, thiếu cam kết hợp tác lâu dài giữa các tác nhân. HTX trong vai trò kết nối nhưng chưa đủ mạnh, còn phụ thuộc vào thương lái và doanh nghiệp.

Kênh phụ

Người trồng luồng-> Nhà máy chế biến (3,6% tổng số sản lượng bán ra)/Cơ sở chế biến thô - nan, chuốt cọc, ván bóc (2,3% tổng số sản lượng bán ra)-> Nhà phân phối/thị trường. Một số bộ

phận luồng được cung cấp cho các làng nghề, hộ sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ, dừa tre, tấm tre. Thị trường nhỏ, chủ yếu phục vụ nội địa hoặc đơn hàng nhỏ lẻ xuất khẩu nhưng tận dụng được nguyên liệu thừa, tạo việc làm tại chỗ, song thiếu định hướng sản xuất dài hạn, đầu ra bấp bênh.

HÌNH 2. CHUỖI LIÊN KẾT LUỒNG TẠI XÃ ĐỒNG LƯƠNG



Nguồn: Kết quả khảo sát.

Phối hợp giữa các tác nhân

BẢNG 3. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ PHỐI HỢP GIỮA CÁC TÁC NHÂN THAM GIA TRONG LIÊN KẾT CHUỖI LUỒNG XÃ ĐỒNG LƯƠNG

Đơn vị: %

TT	Tiêu chí	Đánh giá	Hộ	Thương lái/HTX	Doanh nghiệp/Cơ sở chế biến	Cửa hàng VLXD, nhà buôn	Nhà phân phối
1	Tính liên kết	Mức độ liên kết thấp, rời rạc, thiếu hợp đồng chính thức	80,0	75,5	83,3	90,0	70,0
2	Lợi ích phân phối	Người trồng hưởng lợi thấp nhất, doanh nghiệp và thương lái chiếm ưu thế	100,0	71,9	83,3	75,0	80,0
3	Thông tin thị trường	Không đồng đều, người dân thiếu thông tin giá cả, nhu cầu tiêu dùng	80,0	81,25	83,3	75,0	80,0
4	Cam kết hợp tác lâu dài	Hầu như chưa có hoặc không ổn định	80,0	100,0	83,3	75,0	80,0

5	Vai trò dẫn dắt chuỗi	Thiếu tác nhân dẫn dắt rõ ràng - HTX và doanh nghiệp còn yếu	76,0	78,1	100,0	90,0	70,0
---	-----------------------	--	------	------	-------	------	------

Nguồn: Kết quả khảo sát.

Kết quả cho thấy mức độ liên kết trong chuỗi giá trị luồng tại xã Đồng Lương còn thấp, thiếu ổn định, trong đó người sản xuất đang là bên phải chịu phần lớn các bất lợi từ phân phối lợi ích, thông tin thị trường/giá cả (bất đối xứng), sự liên kết thiếu chặt chẽ, chưa bền vững do thiếu đầu mối dẫn dắt và các hợp đồng/liên kết có tính pháp lý cao.

Chuỗi liên kết luồng tại Đồng Lương đang ở giai đoạn hình thành ban đầu, với các tác nhân có mặt nhưng chưa được kết nối theo một hệ thống hợp tác hiệu quả. Người trồng luồng vẫn giữ vai trò bị động, thiếu thông tin và liên kết đầu ra. Doanh nghiệp và HTX chưa phát huy hết vai trò tổ chức và điều phối chuỗi giá trị. Điều này dẫn đến chuỗi hoạt động thiếu hiệu quả, giá trị gia tăng thấp và khó phát triển bền vững. Hiện nay, số lượng mô hình liên kết theo cơ chế chính thức trong sản xuất và tiêu thụ lâm sản còn hạn chế. Các doanh nghiệp và cơ sở chế biến mới chỉ tập trung hỗ trợ các nhóm hộ trong việc xây dựng phương án quản lý rừng bền vững, hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc và cấp chứng chỉ rừng FSC. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp đã ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm gỗ và luồng đạt chứng chỉ FSC với mức giá cao hơn so với giá thị trường, góp phần khuyến khích người dân tham gia vào chuỗi liên kết bền vững. Chiều ngược lại, các hộ tham gia chuỗi liên kết phải tuân thủ đúng quy định quản lý rừng bền vững, cam kết cung cấp nguyên liệu đầu vào lâu dài cho các doanh nghiệp, cơ sở chế biến.

Các kênh tiêu thụ luồng tại xã Đồng Lương hiện nay tuy đa dạng nhưng chủ yếu vẫn mang tính manh mún, nhỏ lẻ và thiếu liên kết bền vững. Trong số đó, kênh tiêu thụ thông qua thương lái truyền thống vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất do sự tiện lợi, linh hoạt và không yêu cầu điều kiện kỹ thuật hoặc quy mô. Tuy nhiên, hình thức này cũng dẫn đến tình trạng giá cả bấp bênh, nông dân thiếu thông tin thị trường và khó nâng cao giá trị sản phẩm.

Kênh tiêu thụ thông qua HTX và doanh nghiệp chế biến bước đầu thể hiện vai trò trong việc liên kết sản xuất - tiêu thụ, giúp đảm bảo đầu ra và giá sản cho người trồng luồng. Tuy nhiên, năng lực tổ chức của các HTX và trên địa bàn còn yếu, thiếu vốn, thiếu nhân lực và công nghệ để mở rộng thị trường. Tương tự, kênh tiêu thụ của các doanh nghiệp chế biến cũng chưa có đầu ra ổn định; một số kênh khác như làng nghề thủ công, cơ sở chế biến nhỏ lẻ, hay bán lẻ tại chợ địa phương chỉ tiêu thụ lượng nhỏ và chưa đóng vai trò đáng kể trong việc thúc đẩy phát triển vùng nguyên liệu luồng bền vững.

Nhìn chung, việc tiêu thụ luồng tại xã Đồng Lương vẫn thiếu một hệ thống kênh ổn định và hiệu quả, chưa tạo được liên kết chặt chẽ trong chuỗi giá trị từ người trồng - HTX - doanh nghiệp chế biến - nhà phân phối. Đây là một trong những nguyên nhân chính khiến tiềm năng to lớn của cây luồng chưa được khai thác triệt để, người dân chưa yên tâm đầu tư thâm canh và phát triển rừng luồng một cách bền vững.

Quan hệ liên kết trong chuỗi luồng tại Đồng Lương hiện nay vẫn còn rời rạc, thiếu ràng buộc và chưa bền vững. Mức độ hợp tác giữa các tác nhân còn thấp, làm giảm hiệu quả toàn chuỗi và

khiến người trồng luồng chưa yên tâm đầu tư lâu dài. Việc xây dựng một mô hình liên kết chuỗi giá trị toàn diện và có sự điều phối thống nhất là giải pháp cấp thiết để phát triển ngành luồng tại Đồng Lương theo hướng bền vững và hiệu quả kinh tế cao.

Đánh giá kinh tế chuỗi liên kết luồng tại Đồng Lương

Hiện tại, chuỗi giá trị luồng tại Đồng Lương bao gồm các khâu cơ bản sau:

- Sản xuất nguyên liệu: Do nông hộ hoặc nhóm hộ thực hiện, chủ yếu theo phương thức truyền thống. Một số hộ tham gia HTX nhưng chưa phổ biến.

- Khai thác - thu gom: Người dân tự khai thác hoặc bán gốc cho thương lái. Khai thác theo mùa vụ.

- Sơ chế - vận chuyển: Luồng sau khi khai thác được bó, vận chuyển đến điểm tập kết sơ chế (bóc lát, chẻ đũa, xẻ luồng...).

- Chế biến sâu: Doanh nghiệp thực hiện các công đoạn như phơi, hấp biến tính, ép, tạo hình sản phẩm.

- Tiêu thụ: Qua hệ thống thương lái, nhà phân phối nội địa hoặc xuất khẩu (gián tiếp hoặc trực tiếp).

Phân tích chi tiết hiệu quả kinh tế theo từng khâu trong chuỗi

BẢNG 4. HIỆU QUẢ KINH TẾ THEO TỪNG KHẤU TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ LUỒNG TẠI XÃ ĐỒNG LƯƠNG

TT	Bên liên quan/Khâu	Giá bán/Doanh thu (đồng)	Lợi nhuận ròng (đồng)	Tỷ lệ giá trị gia tăng (%)
1	Khâu sản xuất (người trồng luồng)	Từ 8.000-10.000/cây	Từ 5.000-6.000/cây	15-20
2	Khâu thu gom - vận chuyển (thương lái)	18.000-22.000/cây	Từ 2.000-3.000/cây	15-20
3	Khâu sơ chế - chế biến (HTX, doanh nghiệp nhỏ)	7.000-9.000/cây quy đổi	2.000-3.000/cây quy đổi	25-30
4	Khâu tiêu thụ - phân phối (doanh nghiệp lớn, xuất khẩu)	10.000-15.000/cây quy đổi	4.000-5.000/cây quy đổi	35-40

Nguồn: Kết quả khảo sát.

Phần lớn giá trị được tạo ra ở khâu cuối cùng, trong khi người trồng luồng - người giữ vai trò nền tảng của chuỗi - lại được hưởng ít nhất. Sự phân phối lợi ích bất bình đẳng này gây mất động lực đầu tư của nông dân và làm chuỗi liên kết thiếu bền vững.

Chuỗi liên kết luồng tại Đồng Lương hiện nay mới chỉ dừng lại ở mức độ sơ khai, mang tính “mở”, thiếu sự liên kết chặt chẽ giữa các khâu. Giá trị gia tăng chưa được tối ưu hóa, trong khi lợi ích lại phân bố không đồng đều. Việc phân tích tổng hợp chuỗi cho thấy tiềm năng lớn nếu biết tái cấu trúc chuỗi theo hướng gia tăng giá trị tại địa phương, liên kết bền vững và phân phối lợi ích công bằng.

Mặc dù chuỗi liên kết luồng tại huyện Đồng Lương đã đạt được một số kết quả tích cực, tuy nhiên, quá trình phân tích thực trạng cho thấy còn nhiều hạn chế cả về tổ chức liên kết, hiệu quả kinh tế, vai trò của các tác nhân và năng lực quản lý, cụ thể như sau:

Một là, liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi còn lỏng lẻo, thiếu bền vững: Thiếu cơ chế ràng buộc và cam kết dài hạn giữa người trồng luồng, HTX và doanh nghiệp chế biến. Các liên kết chủ yếu là thỏa thuận miệng, hoặc hợp đồng ngắn hạn, dẫn đến dễ phá vỡ khi giá thị trường biến động. Người dân vẫn chủ yếu bán luồng qua thương lái trung gian, không theo chuỗi giá trị chính thức, làm giảm lợi nhuận và khó kiểm soát chất lượng đầu ra. Một số doanh nghiệp chế biến còn thiếu trách nhiệm trong đầu tư vùng nguyên liệu, chưa tạo được mối quan hệ cộng sinh, chia sẻ rủi ro với người trồng luồng.

Hai là, hiệu quả kinh tế trong chuỗi liên kết còn thấp, giá trị gia tăng chưa cao: Hầu hết sản phẩm luồng vẫn được tiêu thụ ở dạng nguyên liệu thô hoặc sơ chế đơn giản, chưa có nhiều sản phẩm chế biến sâu có giá trị cao như ván tre ép, đồ gia dụng, sản phẩm xuất khẩu cao cấp. Giá bán sản phẩm không ổn định, phụ thuộc vào thương lái. Người trồng luồng thường xuyên bị ép giá, khó tích lũy vốn để tái đầu tư. Chuỗi giá trị chưa có hệ thống truy xuất nguồn gốc hoặc chứng chỉ chất lượng, khiến sản phẩm khó tiếp cận các thị trường xuất khẩu bền vững như EU, Nhật Bản...

Ba là, năng lực tổ chức sản xuất và quản lý của HTX còn yếu: Phần lớn các HTX lâm nghiệp trên địa bàn còn thiếu cán bộ có trình độ chuyên môn và kỹ năng quản trị chuỗi liên kết. Hoạt động của nhiều HTX còn mang tính hình thức, chưa tạo được giá trị thực sự cho thành viên; một số HTX chưa có phương án sản xuất - kinh doanh rõ ràng. Khó khăn về vốn, công nghệ, mặt bằng và liên kết thị trường khiến HTX gặp trở ngại trong việc phát triển vùng nguyên liệu hoặc tổ chức khai thác, chế biến quy mô lớn.

Bốn là, hạn chế trong công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm: Hiện tại, xã Đồng Lương có nhà máy Bamboo King Vina chế biến các sản phẩm từ luồng nhưng đầu ra của sản phẩm chưa ổn định. Các cơ sở chế biến còn lại chủ yếu là nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu, chưa đảm bảo tiêu chuẩn môi trường và chất lượng sản phẩm. Doanh nghiệp thiếu đầu tư vào công nghệ mới, sản phẩm còn đơn điệu, chưa đa dạng mẫu mã và công dụng. Thiếu hệ thống xúc tiến thương mại, kết nối thị trường dài hạn, khiến sản phẩm luồng chủ yếu phục vụ thị trường nội địa hoặc xuất khẩu qua trung gian.

Năm là, công tác quản lý chuỗi liên kết còn phân tán, thiếu định hướng chiến lược: Vai trò quản lý nhà nước còn bị chia cắt giữa nhiều phòng ban, thiếu sự phối hợp chặt chẽ; chưa có bất kỳ bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả chuỗi liên kết chính thống nào được ban hành trên địa bàn xã/tỉnh; việc giám sát thực hiện hợp đồng, chia sẻ lợi ích và truy xuất nguồn gốc còn mờ nhạt. Một số chính sách hỗ trợ như cấp giống, khuyến nông, tín dụng... còn dàn trải, chưa gắn với mục tiêu phát triển chuỗi giá trị.

Sáu là, nhận thức của người dân và doanh nghiệp còn hạn chế: Một bộ phận người dân chưa nhận thức được vai trò của chuỗi liên kết, vẫn sản xuất theo tập quán cũ, manh mún, chưa áp dụng kỹ thuật thâm canh bền vững. Doanh nghiệp chế biến chủ yếu chạy theo lợi nhuận ngắn hạn, chưa có chiến lược liên kết - đầu tư dài hạn với vùng nguyên liệu. Nông hộ và cán bộ HTX chưa được đào tạo, tập huấn về quản lý sản xuất, xây dựng thương hiệu, tiếp cận thị trường.

Bảy là, thiếu liên kết với khoa học - công nghệ và tổ chức tài chính: Việc ứng dụng công nghệ trong khai thác, chế biến, giám sát chuỗi liên kết còn hạn chế; chưa có các mô hình quản lý thông minh, sử dụng dữ liệu số, công nghệ GIS, mã QR để kiểm soát chất lượng vùng nguyên liệu; thiếu

các tổ chức tài chính hỗ trợ riêng cho HTX, tổ nhóm sản xuất hoặc doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực lâm nghiệp.

5. Giải pháp đẩy mạnh liên kết chuỗi Luồng trên địa bàn xã Đồng Lương, tỉnh Thanh Hóa

Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý vùng nguyên liệu luồng: (1) Vùng nguyên liệu đóng vai trò nền tảng và quyết định sự phát triển bền vững của toàn bộ chuỗi liên kết luồng. Xã cần tăng cường quy hoạch và phân vùng vùng nguyên liệu một cách khoa học; phân vùng chuyên canh theo năng suất, tuổi rừng và điều kiện đất đai, kết hợp với bảo vệ rừng đầu nguồn và duy trì độ che phủ sinh thái; sử dụng công nghệ GIS để số hóa bản đồ vùng nguyên liệu, giúp quản lý trực quan, minh bạch và liên kết thông tin giữa các bên tham gia chuỗi; (2) UBND cấp xã chỉ đạo củng cố và nâng cao năng lực quản lý, điều hành của các HTX lâm nghiệp và tổ chức cộng đồng nhằm phát huy vai trò trong quản lý, phát triển vùng nguyên liệu. (3) HTX phối hợp với các viện, trường và doanh nghiệp chuyển giao kỹ thuật, cung ứng giống luồng năng suất, chất lượng cao, áp dụng quy trình trồng, chăm sóc và khai thác bền vững. Đồng thời, cần xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu vùng nguyên liệu liên thông với doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước; triển khai phần mềm quản lý sản lượng, nhật ký canh tác, lịch khai thác điện tử; gắn mã vùng, mã QR và ứng dụng công nghệ blockchain để truy xuất nguồn gốc, phục vụ xuất khẩu và nâng cao giá trị sản phẩm. UBND xã phối hợp nông hộ tăng cường công tác phục tráng giống, trồng bổ sung, bảo vệ diện tích hiện có, phòng chống cháy rừng và khai thác hợp lý, góp phần phát triển bền vững vùng nguyên liệu luồng.

Nhóm giải pháp nâng cao vai trò các chủ thể trong chuỗi liên kết luồng: Đối với người trồng luồng, cần nâng cao nhận thức về vai trò trong chuỗi, khuyến khích tham gia các hình thức tổ chức liên kết như HTX hoặc tổ hợp tác để tăng sức đàm phán; đồng thời cần được hỗ trợ tín dụng xanh và kỹ thuật canh tác bền vững nhằm nâng cao năng suất, chất lượng. Các HTX cần phát triển theo mô hình kinh tế tập thể hiện đại, không chỉ thu mua mà còn điều phối sản xuất - tiêu thụ, quản lý vùng nguyên liệu, ký kết hợp đồng với doanh nghiệp; đồng thời cần được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị, tài chính, đàm phán hợp đồng và hỗ trợ kho bãi, máy móc, công nghệ từ các chương trình nhà nước. Doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ phải thực hiện liên kết trách nhiệm với vùng nguyên liệu thông qua hợp đồng bao tiêu, đầu tư trở lại cho người dân, minh bạch về thông tin và giá cả; đồng thời chú trọng đổi mới công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm chế biến sâu như ván ép, đồ nội thất, sản phẩm OCOP xuất khẩu. Chính quyền địa phương giữ vai trò điều phối và hỗ trợ chính sách: cần xây dựng kế hoạch phát triển chuỗi giá trị cấp xã, ban hành cơ chế liên kết ba nhà, tạo môi trường đầu tư thuận lợi và tăng cường vai trò các phòng, ban chuyên môn trong hướng dẫn kỹ thuật, kiểm soát chất lượng và kết nối thị trường. Bên cạnh đó, các tổ chức hỗ trợ, viện nghiên cứu và tổ chức quốc tế có thể tham gia đào tạo, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ chứng chỉ quốc tế (FSC, VietGAP) và kết nối thị trường bền vững, qua đó giúp chuỗi liên kết luồng phát huy giá trị gia tăng và nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội cho địa phương.

Nhóm giải pháp thúc đẩy cơ chế chính sách hỗ trợ và khuyến khích đầu tư phát triển chuỗi liên kết: Trong bối cảnh sản xuất lâm nghiệp đang chuyển hướng sang phát triển theo chuỗi giá trị bền vững, việc hoàn thiện và thực thi các cơ chế, chính sách hỗ trợ là nền tảng quan trọng để phát triển hiệu quả chuỗi liên kết luồng. Đặc biệt tại xã Đồng Lương - vùng trung du miền núi còn nhiều khó khăn - chính sách cần đóng vai trò dẫn dắt cho thu hút đầu tư và gắn kết các tác nhân trong chuỗi: (1) Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu: (i) Ban hành quy hoạch và

chính sách đặc thù vùng nguyên liệu luồng: Tỉnh Thanh Hóa cần rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng và tích hợp phát triển vùng nguyên liệu luồng vào quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển lâm nghiệp bền vững đến năm 2030, tầm nhìn 2050; (ii) Chính sách giao khoán rừng dài hạn, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng: Đây là điều kiện cần để người dân và HTX có thể yên tâm đầu tư và là cơ sở pháp lý để vay vốn, tham gia liên kết với doanh nghiệp; (iii) Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu: Ưu tiên nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia để đầu tư đường lâm nghiệp, hệ thống cấp thoát nước, trạm sơ chế ban đầu,... nhằm giảm chi phí vận chuyển, tăng khả năng thu hút doanh nghiệp chế biến. (2) UBND tỉnh ban hành chính sách (thông qua quyết định, kế hoạch hoặc đề án) nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, liên kết sản xuất với vùng nguyên liệu. Các sở, ban, ngành liên quan phối hợp với UBND cấp xã tổ chức triển khai và giám sát việc thực hiện chính sách tại địa phương. (3) Chính sách hỗ trợ HTX và tổ chức liên kết trung gian: (i) Hỗ trợ thành lập, vận hành và phát triển HTX: Chính quyền địa phương cần có chính sách hỗ trợ chi phí vận hành, tập huấn quản trị, ứng dụng công nghệ thông tin cho các HTX sản xuất luồng; khuyến khích HTX tham gia vào hợp đồng liên kết chuỗi; hỗ trợ về mặt pháp lý, tổ chức đàm phán hợp đồng, kiểm soát thực hiện hợp đồng liên kết giữa HTX với doanh nghiệp nhằm đảm bảo quyền lợi cho nông dân; (ii) Hỗ trợ xây dựng thương hiệu và truy xuất nguồn gốc: Có chính sách hỗ trợ các tổ chức trung gian xây dựng nhãn hiệu sản phẩm tập thể, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm từ luồng Đồng Lương, giúp tăng giá trị và khả năng tiếp cận thị trường. Việc thúc đẩy cơ chế, chính sách hỗ trợ và khuyến khích đầu tư phát triển chuỗi liên kết luồng tại Đồng Lương cần đảm bảo tính đồng bộ, ổn định và có tính dẫn dắt thị trường. Chính sách cần tập trung hỗ trợ tất cả các tác nhân trong chuỗi, đặc biệt là người dân và HTX - nhóm yếu thế nhưng có vai trò nền tảng. Đồng thời, việc lồng ghép các nguồn lực từ chương trình mục tiêu quốc gia, chiến lược lâm nghiệp bền vững và thu hút đầu tư tư nhân sẽ là động lực chính để xây dựng chuỗi giá trị luồng phát triển bền vững.

6. Kết luận

Liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất luồng tại xã Đồng Lương nói riêng và trên địa bàn các xã khu vực miền núi, tỉnh Thanh Hóa nói chung đã khẳng định vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả kinh tế, gia tăng giá trị sản phẩm và tạo sinh kế bền vững cho người dân. Sự tham gia đồng bộ của các tác nhân trong chuỗi - từ hộ trồng luồng, HTX, doanh nghiệp chế biến đến thị trường tiêu thụ - giúp giảm tình trạng sản xuất manh mún, cải thiện chất lượng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong và ngoài nước. Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn còn tồn tại những hạn chế như quy mô liên kết chưa đồng đều, năng lực chế biến sâu còn hạn chế, thiếu vốn và công nghệ hiện đại, cùng với sự biến động của thị trường đầu ra. Để mô hình phát triển bền vững, cần có sự hỗ trợ mạnh mẽ hơn từ chính quyền địa phương, doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng trong việc cung cấp vốn, kỹ thuật, hạ tầng và xúc tiến thương mại. Nghiên cứu đã đề xuất 3 nhóm giải pháp nhằm phát triển bền vững chuỗi gồm: (i) Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý vùng nguyên liệu luồng; (ii) Nhóm giải pháp nâng cao vai trò các chủ thể trong chuỗi liên kết luồng; (iii) Nhóm giải pháp thúc đẩy cơ chế chính sách hỗ trợ và khuyến khích đầu tư phát triển chuỗi liên kết, góp phần đưa cây luồng trở thành sản phẩm chủ lực, nâng cao thu nhập cho người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững của địa phương.

Tài liệu tham khảo

1. Ban chấp hành Đảng bộ xã Đồng Lương (2025). *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ xã phường khóa I, tại Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Đồng Lương lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030.*
2. Chính phủ (2018). *Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.*
3. GTZ (2007). *Valuelinks Manual, The methodology of value chain promotion.* Truy cập tại http://www2.giz.de/wbf/4tDx9kw63gma/ValueLinks_Manual.pdf.
4. Lê Hợi (2023). *Phát triển bền vững chuỗi giá trị tre, luồng tỉnh Thanh Hóa, Báo Thanh Hóa ngày 01.3.2023.* Truy cập tại <https://baothanhhoa.vn/phat-trien-ben-vung-chuoi-gia-tri-tre-luong-tinh-thanh-hoa-180103.htm>
5. Nguyễn Trần Minh Trí (2022). *Chuỗi giá trị nông sản và vai trò của các chủ thể. Tạp chí Ngân hàng.* Truy cập tại <https://tapchinganhang.gov.vn/chuoi-gia-tri-nong-san-va-vai-tro-cua-cac-chu-the-10843.html>
6. UBND huyện Lang Chánh (2024). *Báo cáo Kết quả thực hiện Đề án "Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững gắn với chế biến và xây dựng thương hiệu sản phẩm giai đoạn 2021-2025".*
7. UBND tỉnh Thanh Hóa (2016). *Quyết định số 4025/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ phục tráng 20.000 ha rừng luồng giai đoạn 2016-2025, Thanh Hóa.*
8. UBND xã Đồng Lương (2025). *Báo cáo thực trạng và giải pháp tiềm năng phát triển Luồng trên địa bàn xã Đồng Lương.*
9. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2025). *Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2025, về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025.*